

- Dang L.V., Ngoc N.P., Hung N.N., 2022. Effects of biochar, lime, and compost applications on soil physicochemical properties and yield of pomelo (*Citrus grandis* Osbeck) in alluvial soil of the Mekong Delta. *Applied and Environmental Soil Science*, (1): 5747699.
- Phong Linh, 2022. *Cần Thơ: phát triển trái cây theo hướng đặc sản để tăng lợi thế canh tranh*, ngày truy cập 05/7/2022. Địa chỉ: <https://laodong.vn/kinh-doanh/can-tho-phat-trien-trai-cay-theo-huong-dac-san-de-tang-loi-the-canh-tranh-1057713.ldo>.
- Matsuo N., Yamada T., Takada Y., Fukami K., Hajika M., 2018. Effect of plant density on growth and yield of new soybean genotypes grown under early planting condition in southwestern Japan. *Plant Production Science*, 21 (1): 16-25.
- Maurya S., Abraham J.S., Somasundaram S., Toteja R., Gupta R., Makhija S., 2020. Indicators for assessment of soil quality: a mini-review. *Environmental Monitoring and Assessment*, 192 (9): 604.
- Quang P.V., Jansson P.E., 2008. Development and description of soil compaction on orchard soils in the Mekong Delta (Vietnam). *Scientific Research and Essays*, 3: 500-504.
- Quang P.V., Jansson P.E., Guong V.T., 2012. Soil physical properties during different development stage of fruit orchards. *Journal of Soil Science and Environmental Management*, 3 (12): 308-319.

Assessment of the current cultivation of Edor longan variety growing on raised bed in Phong Dien district, Can Tho city

Le Van Dang and Ngo Ngoc Hung

Abstract

The study conducted a field survey of 30 Edor longan-growing households in Truong Long and Tan Thoi communes, Phong Dien district, Can Tho city in 2022 to assess the current status of cultivation and determine the impact of technical measures on the yield of longan grown on raised bed soil. The results showed that the Edor longan variety in the surveying area is mainly grown on the raised beds created 21 years ago (on average) with 59 cm height of topsoil above the water level. The average planting density is 489 trees/ha, thicker than recommended, the amount of inorganic fertilizer (N-P-K) is medium (871 - 350 - 236 g/tree/year, in order) supplemented with 5 kg/tree/year of organic fertilizer. The yield of longan in the orchards with organic fertilizer is higher than that in the orchard group without organic fertilizer. The average yield of longan from trees aged 6 - 7 years is about 18 tons/ha/year.

Keywords: Edor longan variety, raised bed soil, survey, current cultivation

Ngày nhận bài: 08/7/2022
Ngày phản biện: 19/7/2022

Người phản biện: GS.TS. Vũ Mạnh Hải
Ngày duyệt đăng: 29/7/2022

PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT RAU AN TOÀN GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM TẠI MỘT SỐ TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Nguyễn Trọng Khanh¹, Đoàn Xuân Cảnh¹,
Nguyễn Đình Thiều¹, Nguyễn Văn Tân¹

TÓM TẮT

Mô hình sản xuất rau (cải bắp, su lơ, cà rốt, rau cải bẹ và dưa chuột) tập trung theo hướng VietGAP được triển khai từ năm 2020 - 2021 tại 4 tỉnh Hải Dương, Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình với 322 hộ tham gia trên quy mô 100 ha. Qua điều tra, đánh giá cho thấy mô hình đã đạt được năng suất, chất lượng theo mục tiêu, yêu cầu đề ra. Hiệu quả mô hình của các giống rau tăng so với sản xuất truyền thống ngoài mô hình > 20%. Tổng sản lượng đạt 3.777,5 tấn, đảm bảo chất lượng an toàn và vệ sinh an toàn thực phẩm. Các vùng sản xuất rau được cấp giấy chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP). Sản phẩm được các doanh nghiệp, hợp tác xã rau quả... bao tiêu sản phẩm, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, mang lại lợi nhuận cho người sản xuất hàng tỷ đồng và cung cấp một lượng lớn rau an toàn cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội.

Từ khóa: Sản xuất theo VietGAP, sản phẩm an toàn, liên kết tiêu thụ sản phẩm

¹ Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm

* Tác giả liên hệ, e-mail: thieufcrl@gmail.com

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, sản xuất nông nghiệp nói chung và rau, quả nói riêng đã phát triển, tạo ra nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm phong phú và ổn định cho người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, kỹ thuật sản xuất vẫn còn tập trung chủ yếu vào phát triển số lượng hơn là chất lượng sản phẩm, đặc biệt còn hạn chế trong việc áp dụng các quy phạm thực hành nông nghiệp tốt (GAP). Sản xuất rau là một ngành đem lại hiệu quả kinh tế cao trong các ngành sản xuất nông nghiệp hiện nay.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2021, diện tích sản xuất rau trên cả nước đạt 966.980 ha. Trong đó, nhóm rau có thể mạnh phát triển tiêu thụ trong nước và xuất khẩu có giá trị kinh tế cao, phần lớn diện tích tập trung ở vùng đồng bằng sông Hồng: bắp cải 39.850 ha, chiếm 4,12%; su lơ 9.070 ha, chiếm 0,93%; cà rốt 7.960 ha, chiếm 0,82%; dưa chuột 50.050 ha, chiếm 5,17%; cải các loại 183.900 ha, chiếm 19,01%. Tuy nhiên, việc sản xuất rau an toàn và gắn kết tiêu thụ sản phẩm vẫn còn nhiều hạn chế, hạn chế từ người sản xuất đến hạn chế của các doanh nghiệp trong việc tiếp cận và tiêu thụ hàng nông sản. Nguyên nhân, giá cả thị trường không được ổn định hàng năm, giá của sản phẩm sản xuất an toàn vẫn chưa được cao và sản phẩm sản xuất an toàn đôi khi bị đánh đồng với sản phẩm thông thường, do vậy chưa kích thích được người sản xuất, cũng như kêu gọi các doanh nghiệp lớn cùng kết hợp thực hiện. Vì vậy, việc phát triển vùng nguyên liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm, trong đó các nhà khoa học chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật tiên tiến giúp tạo ra sản phẩm an toàn đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vừa là cầu nối giữa các đơn vị sản xuất và doanh nghiệp chung tay cùng thực hiện, tạo thành chuỗi liên kết có sự góp sức của 4 nhà, giúp cho ngành rau ngày một phát triển.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các hộ nông dân tham gia xây dựng mô hình tại các vùng sản xuất rau an toàn trên một số giống rau (cải bắp Sakata No 71, su lơ Hoa Tuyết, cà rốt Ti 103, rau cải bẹ và dưa chuột Nếp lai).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp triển khai

- Chọn điểm: Là những vùng có điều kiện tổ

chức sản xuất rau phù hợp với quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tại Quyết định số 04/2007/QĐ-BNN, ngày 19/01/2007.

- Chọn hộ: Là những hộ đủ điều kiện tham gia thực hiện mô hình, đất đai, quy mô, nhân lực, vật lực và khả năng tiếp nhận các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất,...

- Đào tạo, tập huấn cho các hộ nông dân trong và ngoài mô hình có nhu cầu sản xuất rau an toàn. Phương pháp đào tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

- Chỉ đạo kỹ thuật về sản xuất rau an toàn tới tận các hộ nông dân tham gia xây dựng mô hình. Cán bộ chỉ đạo là người có trình độ và chuyên môn sâu trong lĩnh vực sản xuất rau.

- Liên kết tiêu thụ sản phẩm, đơn vị chủ trì phối hợp giới thiệu các đơn vị tiêu thụ sản phẩm là doanh nghiệp, công ty và hợp tác xã ký kết hợp đồng với đại diện các đơn vị triển khai hoặc nhóm hộ sản xuất theo thảo thuận.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu và đánh giá hiệu quả mô hình

Thu thập số liệu, tính hiệu quả kinh tế trong và ngoài mô hình cho mỗi loại rau tại các điểm triển khai mô hình (Đỗ Văn Xê, 2010). Số liệu được thu thập tại các hộ nông dân tham gia trong và ngoài mô hình.

Đánh giá hiệu quả kinh tế:

- Tổng giá trị thu nhập (GR) = Năng suất thực tế × Giá bán.

- Tính tổng chi phí biến động (TVC) = Chi phí vật chất (M) + Chi phí lao động (L). Tổng chi phí vật chất chi cho sản xuất cây trồng gồm: vật tư + giống + thuốc bảo vệ thực vật + tưới nước + ...

- Thu nhập thuần (RAVC): $RAVC = GR - TVC$ (lãi thuần).

- Các số liệu thu thập được xử lý tính toán bằng phần mềm Excel 2016.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021 tại các tỉnh Hải Dương, Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Xây dựng mô hình sản xuất rau tập trung an toàn VietGAP

3.1.1. Chọn điểm, chọn hộ triển khai mô hình

Dựa vào các tiêu chí cụ thể, những địa phương có điều kiện phù hợp để thực hiện mô hình được lựa chọn. Từ năm 2020 - 2021 nghiên cứu triển khai thực hiện trên quy mô 100,0 ha với 322 hộ tham gia

tại 4 tỉnh Hải Dương, Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình. Trong đó, tỉnh Hải Dương thực hiện 85,0 ha (30 ha cải bắp, 40 ha cà rốt, 10 ha su lơ và 5 ha dưa chuột), tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình mỗi tỉnh 5,0 ha sản xuất rau ăn lá, cụ thể tại bảng 1.

Bảng 1. Địa điểm, quy mô và số hộ tham gia mô hình sản xuất rau vụ Xuân Hè và vụ Đông năm 2020 - 2021

Mô hình	Địa điểm	Quy mô (ha)	Số hộ tham gia (hộ)
Cải bắp	Xã Phạm Trấn, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	10,0	80
	Xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	20,0	150
Su lơ	Xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	10,0	80
Cà rốt	Xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	20,0	150
	Xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	20,0	22
Dưa chuột	Xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	5,0	50
Cải bẹ	Thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	5,0	50
	Xã Đồng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	5,0	50
	Xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	5,0	50
Tổng		100,0	322

3.1.2. Đào tạo, tập huấn cho người sản xuất trong và ngoài mô hình

a) Tập huấn trong mô hình

Mười chín lớp tập huấn về quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn VietGAP được tổ chức cho 650 học viên là các hộ nông dân tham gia trực tiếp xây dựng mô hình tại Hải Dương, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình.

b) Tập huấn ngoài mô hình

Mười một lớp đào tạo tập huấn cho các hộ nông dân ngoài mô hình có nhu cầu sản xuất rau an toàn VietGAP được tổ chức thành công cho 400 học viên tại 4 tỉnh gồm Hải Dương, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình nhằm nâng cao kiến thức

và kỹ thuật sản xuất rau an toàn.

3.1.3. Kết quả xây dựng mô hình

a) Hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất cải bắp an toàn vụ Đông 2020 - 2021

Vụ Đông năm 2020 - 2021, mô hình được triển khai trên quy mô 30,0 ha tại xã Phạm Trấn, Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương trên giống Sakata No71. Năng suất của mô hình đạt 36,9 - 38,3 tấn/ha, giá bán trung bình 8.500 - 10.500 đồng/kg cho thu nhập 325.550.000 - 387.450.000 đồng, lãi thuần đạt 211.910.000 - 282.450.000 đồng/ha. So với mô hình sản xuất theo truyền thống, hiệu quả kinh tế tăng 22,76 - 23,73%.

Bảng 2. Hiệu quả mô hình sản xuất cải bắp Sakata No71 an toàn tại xã Phạm Trấn, Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vụ Đông 2020 - 2021

Nội dung	Phạm Trấn		Lê Lợi	
	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống
Năng suất thực thu (tấn/ha)	38,3	40,7	36,9	36,9
Giá bán (đồng/kg)	8.500	7.000	10.500	8.500
Tổng thu (1.000 đồng/ha)	325.550	284.900	387.450	338.300
Tổng chi (1.000 đồng/ha)	103.640	104.140	105.000	110.025
Lãi thuần (1.000 đồng/ha)	221.910	180.760	282.450	228.275
Hiệu quả kinh tế trong mô hình tăng (%)	22,76		23,73	

b) Hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất cà rốt an toàn

Mô hình sản xuất cà rốt vụ Đông 2020 - 2021: Mô hình cà rốt trên mô 40,0 ha tại xã Thái Tân, Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương trên giống cà rốt Ti103 trong vụ Đông năm 2020 - 2021.

Năng suất trung bình đạt 43,8 - 44,6 tấn/ha, giá bán trung bình 6.600 - 7.200 đồng/kg cho thu nhập 294.360.000 - 315.360.000 đồng/ha, lãi thuần 206.580.000 - 236.927.500 đồng/ha. Hiệu quả kinh tế so với trồng ngoài mô hình tăng 20,36 - 22,82%.

Bảng 3. Mô hình sản xuất cà rốt Ti103 an toàn tại xã Thái Tân, Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương vụ Đông 2020 - 2021

Nội dung	Thái Tân		Minh Tân	
	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống
Năng suất thực thu (tấn/ha)	44,6	45,8	43,8	43,8
Giá bán (đồng)	6.600	5.600	7.200	6.200
Tổng thu (1.000 đồng/ha)	294.360	256.480	315.360	277.140
Tổng chi (1.000 đồng/ha)	87.780	88.280	78.432,5	80.300
Lãi thuần (1.000 đồng/ha)	206.580	168.200	236.927,5	196.840
Hiệu quả kinh tế trong mô hình tăng (%)	22,82		20,36	

c) Hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất su lơ an toàn

Tại xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vụ Đông năm 2020. Mô hình triển khai quy mô 10 ha trên giống Hoa Tuyết. Năng suất trung bình

đạt 32,3 tấn/ha, giá bán trung bình 7.500 đồng/kg cho thu nhập 242.250.000 đồng/ha, lãi thuần là 149.410.000 đồng/ha. Hiệu quả kinh tế tăng so với trồng ngoài mô hình 22,82%.

Bảng 4. Mô hình sản xuất su lơ Hoa Tuyết an toàn tại Tân Kỳ, Tứ Kỳ, Hải Dương vụ Đông 2020

Nội dung	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống
Năng suất thực thu (tấn/ha)	32,3	35,7
Giá bán (đồng/kg)	7.500	6.000
Tổng thu (1.000 đồng/ha)	242.250.000	214.200.000
Tổng chi (1.000 đồng/ha)	92.840.000	93.340.000
Lãi thuần (1.000 đồng/ha)	149.410.000	120.860.000
Hiệu quả kinh tế trong mô hình tăng (%)	23,62	

d) Hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất rau cải ăn lá an toàn

Mô hình sản xuất rau cải bẹ vụ Đông 2020 - 2021: Mô hình sản xuất rau cải bẹ, quy mô 20,0 ha tại Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình. Năng suất

trung bình đạt 26,1 - 27,8 tấn/ha, giá bán trung bình 8.700 - 9.700 đồng/kg, thu nhập từ 241.860.000 - 253.170.000 đồng/ha, lãi thuần là 182.960.000 - 186.700.000 đồng/ha. Hiệu quả kinh tế tăng so với trồng ngoài mô hình đạt 20,45 - 23,62%.

Bảng 5. Mô hình sản xuất rau cải bẹ an toàn tại Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình vụ Đông 2020 - 2021

Nội dung	Yên Cường, Ý Yên, Nam Định		Vinh Trại, Lý Nhân, Hà Nam		Đông Phong, Nho Quan, Ninh Bình	
	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống
Năng suất thực thu (tấn/ha)	27,8	30,2	26,1	28,2	26,5	28,7
Giá bán (đồng/kg)	8.700	7.000	9.700	7.800	9.500	7.700
Tổng thu (1.000 đồng/ha)	241.860	211.400	253.170	219.960	251.750	220.990
Tổng chi (1.000 đồng/ha)	58.900	59.500	69.050	71.020	65.050	68.020
Lãi thuần (1.000 đồng/ha)	182.960	151.900	184.120	148.940	186.700	152.970
Hiệu quả kinh tế trong mô hình tăng (%)	20,45		23,62		22,05	

e) **Hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất dưa chuột an toàn**

Mô hình sản xuất dưa chuột tại Văn Tố, Tứ Kỳ, Hải Dương, vụ Xuân Hè năm 2021 trên giống Nếp lai, quy mô 05 ha. Năng suất trung bình đạt

32,3 tấn/ha, giá bán bình quân 7.500 đồng/kg cho thu nhập 242.250.000 đồng/ha, lãi thuần 125.470.000 đồng/ha. Hiệu quả kinh tế tăng so với trồng ngoài mô hình sản xuất truyền thống 23,61 (%).

Bảng 6. Mô hình sản xuất dưa chuột Nếp lai an toàn tại Văn Tố, Tứ Kỳ, Hải Dương vụ Xuân Hè 2021

Nội dung	Mô hình sản xuất rau an toàn	Mô hình sản xuất truyền thống
Năng suất thực thu (tấn/ha)	32,3	35,7
Giá bán (đồng/kg)	7.500	6.200
Tổng thu (1.000 đồng/ha)	242.250.000	221.340.000
Tổng chi (1.000 đồng/ha)	116.780.000	125.500.000
Lãi thuần (1.000 đồng/ha)	125.470.000	95.840.000
Hiệu quả kinh tế trong mô hình tăng (%)	23,61	

3.2. Sản lượng của mô hình sản xuất rau an toàn

Từ năm 2020 - 2021 trên quy mô 100 ha mô hình sản xuất trên các chủng loại rau (bắp cải, su lơ, cà rốt, rau ăn lá và dưa chuột), tổng sản lượng

rau đạt 3.777,5 tấn phục vụ cho nội tiêu và xuất khẩu, mang lại hàng tỷ đồng cho người sản xuất và sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và giúp cho hàng trăm lao động có việc làm.

Bảng 7. Năng suất, sản lượng mô hình sản xuất rau an toàn năm 2020 - 2021

TT	Địa bàn triển khai	Diện tích (ha)	Năng suất trung bình (tấn/ha)	Năng suất kế hoạch (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Mô hình sản xuất cà rốt tập trung tại Thái Tân, Nam Sách, Hải Dương	20,0	44,6	> 40	892,0
2	Mô hình sản xuất cà rốt tập trung tại Minh Tân, Nam Sách, Hải Dương	20,0	43,8	> 40	876,0
3	Mô hình sản xuất cải bắp tập trung tại Phạm Trán, Gia Lộc, Hải Dương	10,0	38,3	> 35	383,0
4	Mô hình sản xuất cải bắp tập trung tại Lê Lợi, Gia Lộc, Hải Dương	20,0	36,9	> 35	738,0
5	Mô hình sản xuất su lơ tập trung tại Tân Kỳ, Tứ Kỳ, Hải Dương	10,0	32,5	> 30	325,0
6	Mô hình sản xuất rau cải bẹ tập trung tại Vĩnh Trụ, Lý Nhân, Hà Nam	05	26,1	> 25	130,5
7	Mô hình sản xuất rau cải bẹ tập trung tại Đồng Phong, Nho Quan, Ninh Bình	05	26,5	> 25	132,5
8	Mô hình sản xuất rau cải bẹ tập trung tại Yên Cường, Ý Yên, Nam Định	05	27,8	> 25	139,0
9	Mô hình sản xuất dưa chuột tại Văn Tố, Tứ Kỳ, Hải Dương	05	32,3	> 30	161,5
<i>Tổng cộng</i>		<i>100,0</i>			<i>3.777,5</i>

3.3. Phân tích chất lượng sản phẩm trong mô hình

Từ kết quả phân tích hóa sinh cho thấy: Tất cả các mẫu giống rau (cải bắp, su lơ, cà rốt, rau ăn lá và dưa chuột) về dư lượng thuốc BVTV, hàm lượng nitrate, kim loại nặng và vi sinh vật đều ở ngưỡng cho phép, đảm bảo chất lượng và VSATTP.

Ngoài ra, mô hình được cấp giấy chứng nhận Quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 của Công ty Cổ phần chứng nhận VINACAB và Công ty cổ phần chứng nhận và giám định IQC, Hà Nội cung cấp.

Bảng 12. Bảng phân tích chất lượng sản phẩm rau sau thu hoạch tại các điểm triển khai mô hình năm 2020 - 2021

TT	Tên mẫu	Dư lượng TBVTV (mg/kg) (Cypermethrin)	Nitrate (mg/kg)	Kim loại nặng (mg/kg)				Vi sinh vật (Tế bào khuẩn lạc/g)		
				As	Hg	Cd	Pb	Coliform	E. coli	Sal
1	Cải bẹ	0,0268	769	0,0566	0,0042	0,0174	0,265	74	-	-
2	Bắp cải	0,0235	492	0,0358	0,0082	0,0210	0,273	65	-	-
3	Súp lơ	0,0247	386	0,0345	0,0035	0,0121	0,265	58	-	-
4	Dưa chuột	0,0162	135	0,0209	0,0054	0,0104	0,218	52	-	-
5	Cà rốt	0,0084	197	0,0262	0,0157	0,0047	0,175	87	-	-
	MRL			1,0	0,05	0,1	0,3	200	10	0

Ghi chú: MRL ngưỡng tối đa cho phép. Dấu (-): không phát hiện. Theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông, Thông tư số 50/2016/TT-BYT.

3.4. Liên kết tiêu thụ sản phẩm

Các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được tổ chức thành công tại các địa phương tham gia xây dựng mô hình. Thành phần tham gia là các công ty, doanh nghiệp và các cửa hàng bán buôn, bán lẻ, đơn vị thực hiện và các hộ nông dân tham gia xây dựng mô hình.

Sau khi triển khai mô hình, tiến hành xuống giống, công việc tiếp theo là giới thiệu các đơn vị là doanh nghiệp, hợp tác xã ký kết hợp đồng với đại diện các nông hộ tham gia triển khai bao tiêu toàn bộ sản phẩm, với nhiều điều khoản được thống nhất giữa các bên. Hợp đồng có xác nhận của chính quyền địa phương. Các đơn vị đại diện thu mua sản phẩm là Công ty Cổ phần nông sản Hưng Việt, xã Gia Tân, Gia Lộc, Hải Dương; Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Trần Vinh, Thạch Khôi, thành phố Hải Dương; HTX rau quả Tân Minh Đức, Phạm Trấn, Gia Lộc, Hải Dương; HTX rau quả Bảo An, thị trấn Vĩnh Trụ, Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; Gian hàng nông nghiệp Ninh Bình, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình.

IV. KẾT LUẬN

Từ năm 2020 - 2021 mô hình sản xuất rau (cải bắp, su lơ, cà rốt, rau ăn lá và dưa chuột) tập trung theo hướng VietGAP đã triển khai thành công tại 4 tỉnh Hải Dương, Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình với 322 hộ tham gia trên quy mô 100 ha. Mô hình đã đạt được năng suất, chất lượng theo mục tiêu đề ra. Hiệu quả mô hình của các giống rau tăng so với sản xuất truyền thống ngoài mô hình > 20%. Tổng

sản lượng rau các loại đạt 3.777,5 tấn, đảm bảo chất lượng an toàn và ATTP. Các vùng sản xuất rau được cấp giấy chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP). Sản phẩm được các doanh nghiệp, HTX rau quả,... bao tiêu sản phẩm, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, mang lại lợi nhuận cho người sản xuất hàng tỷ đồng và cung cấp một lượng lớn rau an toàn cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội.

Mười chín lớp tập huấn về quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo VietGAP được tổ chức cho 650 học viên là các hộ nông dân tham gia trực tiếp xây dựng mô hình và 11 lớp tập huấn ngoài mô hình có nhu cầu sản xuất rau an toàn VietGAP cho 400 học viên tại Hải Dương, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, 2008. Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy định quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả và chè an toàn.
- Bộ Y tế**, 2016. Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định mức tối đa tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- TCVN 11892-1:2017**. Tiêu chuẩn Quốc gia về Thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP) - Phần 1: Trồng trọt.
- Tổng cục Thống kê**, 2021. *Niên giám thống kê năm 2021*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Đỗ Văn Xê**, 2010. So sánh hiệu quả kinh tế của 2 mô hình canh tác nông nghiệp tại huyện Gò Quao, Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 13: 120-125.

Development of safe vegetable production areas linked with the markets in some provinces in the Red River Delta

Nguyen Trong Khanh, Doan Xuan Canh,
Nguyen Dinh Thieu, Nguyen Van Tan

Abstract

The model of vegetable production (cabbage, cauliflower, carrot, mustard and cucumber) focusing on VietGAP standard was carried out in 4 provinces of Hai Duong, Nam Dinh, Ha Nam and Ninh Binh with 322 participating households on a scale of 100 ha. Evaluation results showed that the yield and quality of vegetables in the model reached the setting goals and requirements. Model efficiency of vegetable varieties increased in comparison to traditional production outside the model > 20%. Total output of the project reached 3,777.5 tons, ensuring food safety and quality. Vegetable production areas were granted certificates of good agricultural practices VietGAP. Products were bought by enterprises, fruit and vegetable cooperatives, etc., for domestic consumption and export, bringing profits to producers billions of dong and providing a large amount of safe vegetables for consumers, environmental protection and social security.

Keywords: VietGAP production, safe vegetable products, product consumption linkage

Ngày nhận bài: 08/7/2022

Người phản biện: PGS.TS. Đào Thế Anh

Ngày phản biện: 21/7/2022

Ngày duyệt đăng: 29/7/2022

KHẢO SÁT BƯỚC ĐẦU VỀ TÌNH HÌNH SÂU BỆNH HẠI TRÊN CÂY MÍT TẠI TỈNH HẬU GIANG

Mai Đức Chung¹, Trần Hồng Đức², Nguyễn Thị Kiều³,
Nguyễn Duy Phương¹, Nguyễn Thanh Hà¹, Nguyễn Xuân Cảnh⁴,
Nguyễn Văn Giang⁴, Phạm Hồng Hiến⁵, Nguyễn Hải Yến⁶, Nguyễn Thành Đức¹

TÓM TẮT

Những năm gần đây, Hậu Giang là một trong các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích canh tác cây mít phát triển nhanh chóng do chất lượng mít ở đây được đánh giá cao và đầu ra ổn định. Bệnh thối trái được phát hiện lần đầu năm 2018 đến nay đã lan ra toàn tỉnh, xuất hiện tất cả các giai đoạn phát triển của trái và các mùa trong năm, đã làm giảm năng suất, sản lượng trái từ đó gây rất nhiều khó khăn cho người nông dân trong canh tác. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 100 nông hộ, thuộc 3 huyện Châu Thành, Châu Thành A, Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang và tiến hành điều tra, khảo sát về tình hình canh tác, tình hình sâu hại và các dấu hiệu đặc trưng của bệnh hại trên cây mít. Kết quả nghiên cứu cho thấy: cây mít cho hiệu quả kinh tế cao, có tỷ suất lợi nhuận trung bình cao hơn canh tác lúa 2 vụ gần 10 lần; bệnh hại mít chủ yếu là thối nhũn trái, xơ đen và nứt thân xì mù. Các hộ dân sử dụng đa dạng các loại thuốc hóa học khác nhau, một số loại thuốc đã nằm trong danh mục cấm sử dụng. Đã đánh giá được tình hình nhiễm bệnh thối nhũn trái mít tại tỉnh Hậu Giang và xây dựng được bản mô tả triệu chứng điển hình của bệnh.

Từ khóa: Cây mít, khảo sát, tình hình sâu bệnh, tỉnh Hậu Giang

¹ Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

² Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

³ Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học Công nghệ tỉnh Hậu Giang

⁴ Học viện Nông nghiệp Việt Nam

⁵ Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

⁶ Viện Khoa học Môi trường - Tổng cục Môi trường

* Tác giả liên hệ, e-mail: mdchungduc@gmail.com